

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 18-6-2019
“*V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hoài

2. Ông Bùi Minh Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 5 năm 2019 và ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1976 (*có mặt*);

Địa chỉ: ấp X Đ 1, xã Đ1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* - Anh Trần Thanh T (Văn T), sinh năm 1976 (*vắng mặt*);

- Chị Lâm Thị C, sinh năm 1977 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: ấp T S1, xã Đ1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19/7/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Thanh Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh mua bán thức ăn gia súc, bán tám, gạo tại ấp X Đ 2, xã Đ1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang, từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 10 năm 2017, anh và anh Trần Thanh T, chị Lâm Thị C có thỏa thuận mua bán thức ăn gia súc từ khi anh T và chị C mua heo đến khi heo xuất chuồng (bán heo) anh T và chị C mua thức ăn gia súc có tiền bao nhiêu trả bấy nhiêu, không có tiền thì ghi sổ đến khi xuất heo (bán heo) trả hết số tiền còn nợ cho anh, sau đó anh T và chị C bán heo anh có đến đòi anh T và chị C trả tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ nói trên nhưng anh T và chị C không có tiền trả.

Đến ngày 26 tháng 10 năm 2017, anh T và chị C có đến nhà anh hẹn trả mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, khi đó anh và anh T, chị C có đối chiếu cộng sổ theo dõi nợ thì anh T và chị C còn nợ anh tổng số tiền mua thức ăn gia súc là 196.000.000 đồng, anh T và chị C trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại anh là 176.000.000 đồng, anh T tự ghi dòng chữ “26 tháng 10 T C thiếu anh chị Đ 176.000.000 đồng” (Bút lục số 21) và ký tên vào sổ xác nhận đối chiếu nợ nhưng từ đó đến nay anh T và chị C không có trả cho anh số tiền mua bán thức ăn nói trên.

Nay anh yêu cầu anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C trả cho anh số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 176.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, thời hạn trong 01 tuần, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T và chị C nhưng anh T và chị C không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tại các biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019 và ngày 29/5/2019, ông Trần Văn T2 trình bày:*

Ông là cha ruột của anh Trần Thanh T và cha chồng của chị Lâm Thị C biết được, cách nay khoảng 03 năm, anh T và chị C có hợp đồng mua thức ăn gia súc cho heo ăn của anh Đ số tiền là 196.000.000 đồng, sau đó trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 176.000.000 đồng. Đến tháng 12/2017, anh T và chị C đi làm thuê ông có liên hệ anh T và chị C nhiều lần về tham giải quyết tiền mua

bán thức ăn gia súc còn nợ nhưng anh T và chị C nói khi nào có đủ tiền mới về trả nợ.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân của Trần Thanh Đ, sổ hộ khẩu gia đình Trần Thanh Đ, sổ ghi theo dõi nợ ngày 26/10, đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị đơn ngày 12/7/2018, biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Trần Văn T2 ngày 08/4/2019 và ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh Trần Thanh Đ yêu cầu anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C trả cho anh số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 176.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, thời hạn trong 01 tháng, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Trần Thanh Đ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Trần Thanh T và chị Lâm Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt anh T và chị C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh Đ yêu cầu bị đơn anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C trả cho anh số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 176.000.000 đồng, qua sổ theo dõi có ghi đối chiếu mua thức ăn còn nợ anh T có ký tên xác nhận nợ và lời khai của ông Trần Văn T2, cha của anh T là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Thanh Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C trả tiền mua thức ăn gia súc còn nợ. Bị đơn anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C, cư trú tại: ấp T S 1, xã Đ1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T và chị C nhưng anh T và chị C không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T và chị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T và chị C nhưng anh T và chị C vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai anh Đ không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung: Xét về hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Đ và anh T, chị C được xác lập hợp đồng bằng lời nói, khi thỏa thuận mua bán tài sản anh Đ có ghi sổ theo dõi, đến hạn trả có đối chiếu nợ sau đó người mua là anh T có ký xác nhận còn nợ và thỏa thuận thời hạn trả mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 430 và khoản 1 Điều 433 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét khởi kiện của anh Trần Thanh Đ yêu cầu anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C trả tiền mua bán thức ăn còn nợ là 176.000.000 đồng là phù hợp với sổ ghi đối chiếu nợ mua bán tài sản và phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Trần Văn T2 cha ruột của anh T là anh T và chị C mua thức ăn gia súc còn nợ anh Đ số tiền 176.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng anh Đ khởi kiện yêu cầu anh T, chị C trả tiền mua thức ăn còn nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh T và chị C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Đ là có thật và thuộc trường hợp anh

T và chị C thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của anh Đ đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Đ. Buộc anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C phải trả cho anh Trần Thanh Đ số tiền mua tài sản (thức ăn gia súc) còn nợ là 176.000.000 đồng theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Anh Trần Thanh Đ không yêu cầu anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

[5] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, khoản 1 Điều 433 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C phải trả cho anh Trần Thanh Đ số tiền mua tài sản (thức ăn gia súc) còn nợ là 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi

theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Thanh T (Văn T) và chị Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.800.000 đồng (176.000.000 đồng x 5%).

Anh Trần Thanh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Trần Thanh Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.400.000 đồng theo các biên lai thu số 0005884 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 18/6/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

Trần Văn Thảo